TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B - TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/DS-ST
Ngày: 12/6/2019
V/v "*Tranh chấp HĐ tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Trung
2. Ông Nguyễn Phương Tích

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐST–DS ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP K

Địa chỉ trụ sở chính: 40-42-44 đường P, P. V, Tp. R, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ chi nhánh: 4A Trương Định, khu phố F, TT. B, huyện B.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A2 – Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh M – Phó Giám đốc TPCP K – Phòng giao dịch B (có mặt)

- *Bị đơn*: 1. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1953 (vắng mặt);

2. Bà Trần Thị G1, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A1, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 11 năm 2018, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Lê Minh M – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/6/2016, Ngân hàng thương mại cổ phần K (Ngân hàng TMCP K) - Phòng giao dịch B có cho bà Trần Thị G1, ông Phạm Văn H vay số tiền 50.000.000 đồng tại Hợp đồng tín dụng số 403/16/HĐTD/0302-4414 ngày 07/6/2016 với những nội dung cụ thể:

Số tiền vay: 50.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn buôn bán thủy hải

sản; Giải ngân ngày: 09/6/2016; Thời hạn vay: 12 tháng; Ngày đến hạn: 09/6/2017; Lãi suất trong hạn: 12,6% /năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng, lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP K tại thời điểm thay đổi lãi suất cho vay cộng thêm biên độ 3,78%/năm. Lãi suất vay sau khi thay đổi không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành (cùng loại hình và phương thức cho vay); Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước trời điểm phát sinh nợ quá hạn; Hình thức thanh toán: Lãi tiền vay trả hàng tháng, vốn gốc trả: cuối kỳ.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay của bị đơn phía bà G1, ông H có ký kết hợp đồng thế chấp số 403/16/HĐTC-BĐS/0302-4414 ngày 07/6/2016. Tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số BC 085701 do UBND huyện B, tỉnh Bến Tre cấp ngày 06/10/2010 với các đặc điểm cụ thể như sau: diện tích 286.4m^2, thuộc thửa số 260, tờ bản số 12, loại đất: CLN, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. Hợp đồng thế chấp số 403/16/HĐTC-BĐS/0302-4414 ngày 07/6/2016 được công chứng ngày 08/6/2016 tại Văn phòng công chứng B và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 09/6/2016 tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất huyện B, tỉnh Bến Tre.

Sau khi vay tiền phía bà G1, ông H không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng TMCP K khi nợ đến hạn, mặc dù phía ngân hàng đã thông báo nhiều lần đến bà G1, ông H nhưng bà G1, ông H cũng chỉ cam kết trả hết nợ cho ngân hàng nhưng vẫn không thực hiện.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP K yêu cầu bà G1, ông H thanh toán cho Ngân hàng TMCP K số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và lãi quá hạn theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng số 403/16/HĐTD/0302-4414 ngày 07/6/2016 từ ngày 09/6/2017 đến ngày 01/11/2018 là 13.413.750 đồng.

Trường hợp bà G1, ông H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ thì phía Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên bán đấu giá tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 403/16/HĐTC-BĐS/0302-4414 ngày 07/6/2016 để thu hồi nợ.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn phía bà Trần Thị G1, ông Phạm Văn H nhưng bà G1, ông H không làm bản tự khai, không tham gia các phiên làm việc theo giấy triệu tập của tòa. Đồng thời tại phiên tòa, bà G1, ông H vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu,chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại

phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K khởi kiện bà Trần Thị G1, ông Phạm Văn H yêu cầu thanh toán tiền vay còn nợ, các đương sự có nơi cư trú tại địa bàn huyện B. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn bà Trần Thị G1, ông Phạm Văn H. Nhưng tại phiên tòa, bà G1, ông H vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà G1, ông H là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng tín dụng số 403/16/HĐTD/0302-4414 ngày 07/6/2016 và hợp đồng thế chấp số 403/16/HĐTC-BĐS/0302-4414 ngày 07/6/2016 được Ngân hàng TMCP K và phía bị đơn bà Trần Thị G1, ông Phạm Văn H ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có sự lừa dối, ép buộc; Hợp đồng thế chấp có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo trình tự, thủ tục luật định, không trái với đạo đức xã hội nên có hiệu lực thì hành đối với các bên.

Sau khi vay thì bà G1, ông H đã không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng TMCP K khi đến hạn, cụ thể tại các biên bản làm việc ngày 07/10/2017, ngày 02/11/2018 thì ông Phạm Văn H đều thừa nhận vẫn chưa thanh toán số nợ vay cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng 403/16/HĐTD/0302-4414 ngày 07/6/2016 và cũng chưa thanh toán số nợ lãi cho ngân hàng. Hơn nữa, ông H cũng đồng ý để ngân hàng xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng 403/16/HĐTC-BĐS/0302-4414 ngày 07/6/2016 trong trường hợp không thanh toán nợ cho ngân hàng. Bà G1, ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng TMCP K theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng số 403/16/HĐTD/0302-4414 ngày 07/6/2016 nên xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K yêu cầu bị đơn bà Trần Thị G1, ông Phạm Văn H thanh toán số tiền vay gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng số 403/16/HĐTD/0302-4414 ngày 07/6/2016 tính từ ngày 09/6/2017 đến ngày 01/11/2018 là 13.413.750 đồng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 02/11/2018 đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn đã quy định tại hợp đồng tín dụng số 403/16/HĐTD/0302-4414 ngày 07/6/2016 cho đến khi trả hết nợ gốc. Yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết tại Điều 2, Điều 6 cũng như theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử

chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP K về việc Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp số 403/16/HĐTC-BĐS/0302-4414 ngày 07/6/2016 để bảo đảm thu hồi các khoản nợ trong trường hợp bà G1, ông H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản tiền mà bà G1, ông H có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận Hợp đồng thế chấp và quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm (63.413.750đ x 5%): 3.171.000đ (Bệu một trăm bảy mươi mốt ngàn đồng). Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thị G1, ông Phạm Văn H có nghĩa vụ nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 36, 39, 92, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K. Buộc bà Trần Thị G1, ông Phạm Văn H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K (Phòng giao dịch B đại diện nhận) số tiền nợ tính đến hết ngày 01/11/2018 là 63.413.750đ (sáu mươi Bệu bốn trăm mười ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng); trong đó nợ gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng); nợ lãi tính đến hết ngày 01/11/2018 là 13.413.750đ (mười Bệu bốn trăm mười ba ngàn bảy trăn năm mươi đồng).

Bà Trần Thị G1, ông Phạm Văn H còn phải tiếp tục liên đới trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 02/11/2018 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K với mức lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng số 403/16/HĐTD/0302-4414 ngày 07/6/2016 mà đôi bên đã ký kết cho đến khi thi hành xong.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Trần Thị G1, ông Phạm Văn H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K, thì Ngân hàng TMCP K (Phòng giao dịch B đại diện) có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 403/16/HĐTC-BĐS/0302-4414 ngày 07/6/2016 để thu hồi nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị G1, ông Phạm Văn H phải liên đới nộp số tiền án phí là 3.171.000đ (Bệu một trăm bảy mươi mốt ngàn đồng);

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0022184 ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện B;*
- *THADS huyện B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Chí Vũ